

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/DS-PT

Ngày: 16-7-2020

V/v “*Tranh chấp chia tài sản  
chung, Đòi tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Chí Keo

*Các thẩm phán:*

1. Bà Trần Thị Thúy Hà

2. Ông Cao Minh Lễ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 116/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung và đòi thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2018/DS-ST, ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố LX bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 137/2019/QĐXXPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Phan Thị H, sinh năm 1983. Địa chỉ: số 232/2B, khóm Đông A, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Phan Thị H có: Luật sư Trần Tiến V-Văn phòng Luật sư Trần Tiến V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

**2. Bị đơn:** Ông Châu Văn M, sinh năm 1981. Địa chỉ: khóm Tây Kh, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang. (có mặt)

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang. Địa chỉ: phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt).

3.2. Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1963. Địa chỉ: khóm Tây Khánh 7, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.3. Ông Châu Văn L, sinh năm 1965. (có mặt)

3.4. Bà Võ Thị Thu Th, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm Tây Kh, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.5. Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Thị X, sinh năm 1934 (chết ngày 24/06/2015) và ông Châu Văn L1, sinh năm 1930 (chết ngày 30/10/2016), có các con gồm các ông bà:

3.5.1. Bà Châu Thị M1, sinh năm 1958. Địa chỉ: khóm Bình Đ, phường BĐ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.5.2. Bà Châu Thị K, sinh năm 1959. Địa chỉ: khóm Tây Kh, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.5.3. Ông Châu Văn T1, sinh năm 1964. Địa chỉ: khóm Tây Kh, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.5.4. Ông Châu Văn L, sinh năm 1965. Địa chỉ: khóm Tây Kh, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.5.5. Bà Châu Thị Bé S (S), sinh năm 1967. Địa chỉ: khóm Tây H, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.5.6. Ông Châu Văn Tr, sinh năm 1972. Địa chỉ: khóm Tây Kh, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.5.7. Bà Châu Thị Ng, sinh năm 1975. Địa chỉ: khóm Đông A, phường ĐX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.5.8. Ông Châu Văn Nh, sinh năm 1979. Địa chỉ: số khóm Tây Kh, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.5.9. Ông Châu Văn M, sinh năm 1981. Địa chỉ: khóm Tây Kh, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Ông Châu Văn T1, sinh năm 1964. Địa chỉ: số 469/7A, tổ 13, khóm Tây Khánh 2, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang là người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Châu Thị M1, Châu Thị K, Châu Văn L, Châu Thị Bé Sáu, Châu Văn Tr, Châu Thị Ng, Châu Văn Nh, Châu Văn M (theo văn bản ủy quyền ngày 16/12/2016) Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày và có ý kiến như sau:*

Bà Phan Thị H và ông Châu Văn M có quan hệ vợ chồng, kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn và có 01 con chung tên Châu Văn Thân, sinh ngày 01/01/2014. Bà H và ông M đã ly hôn theo bản án số 93/HNGĐ-ST ngày 13/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang. Bản án trên đã có hiệu lực pháp luật và đã giải quyết mối quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung, còn quan hệ tài sản chung là giữa bà Phan Thị H và ông Châu Văn M tự thỏa thuận. Do bà Phan Thị H và ông Châu Văn M không thỏa thuận được về quan hệ tài sản chung nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung của bà H và ông M gồm: 01 căn nhà cấp 4 gắn liền đất diện tích 86,5m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 049970, sổ vào sổ cấp GCN CH02613 do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang cấp ngày 18/11/2010, do bà Phan Thị H, ông Châu Văn M đứng tên và hiện nay ông Châu Văn M đang giữ bản chính; Vật dụng kiến trúc đầu tư quán cà phê; 01 chiếc xe Mio biển số 67H6-9471 và 01 chiếc xe Airblade biển số 67P1-032.85 đều do bà Phan Thị H đứng tên; 01 Tivi LG 32 inch full HD; 01 đầu đĩa, âm ly và 01 máy giặt hiệu Toshiba 7kg mã Tokyo Japan AW 8480Sv, mua năm 2011. Tài sản do ông Châu Văn M đang quản lý, sử dụng.

Nay nguyên đơn bà Phan Thị H yêu cầu chia tài sản chung là diện tích 86,5m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BD 049970, sổ vào sổ cấp GCN CH02613 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 18/11/2010 cho ông Châu Văn M và bà Phan Thị H trong thời kỳ hôn nhân; một tài sản như: 01 chiếc xe Mio biển số 67H6-9471 và 01 chiếc xe Airblade biển số 67P1-032.85 đều do bà Phan Thị H đứng tên; 01 Tivi LG 32 inch full HD; 01 đầu đĩa, âm ly (tất cả tài sản này đều do ông Châu Văn M đã bán với tổng số tiền 44.500.000đ), và 01 máy giặt hiệu Toshiba 7kg mã Tokyo Japan AW 8480Sv, mua năm 2011. Bà Phan Thị H yêu cầu chia đôi diện tích và xin nhận phần hiện vật; Đối với những tài sản còn lại bà Phan Thị H yêu cầu chia hai và được nhận giá trị bằng tiền.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị H chỉ yêu cầu được chia  $\frac{1}{2}$  diện tích 86,5m<sup>2</sup> được giới hạn các điểm 43, 46, 73, 72 theo bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Châu Văn M đối với bà Phan Thị H do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố LX (nay Văn phòng đăng ký đất chi nhánh thành phố LX) lập ngày 12/07/2012, yêu cầu được nhận bằng hiện vật và tháo dỡ các vật kiến trúc có trên khu đất đối với phần diện tích đất bà được chia.

Đối với những tài sản như: 01 chiếc xe Mio biển số 67H6-9471 hiện ông Châu Văn M đã bán với giá 10.000.000 đồng; 01 chiếc xe Airblade biển số 67P1-032.85 hiện ông Châu Văn M đã bán với giá 32.000.000 đồng; 01 Tivi LG 32 inch full HD; 01 đầu đĩa, âm ly đã bán cho bà Võ Thị Thu Th 2.500.000 đồng (do ông Châu Văn M bán); 01 máy giặt hiệu Toshiba 7kg mã Tokyo Japan AW 8480Sv, mua năm 2011 thì

quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Phan Thị H xin rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với việc ông Châu Văn M có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu được chia  $\frac{1}{2}$  số tiền (bà Phan Thị H có giữ 03 lượng vàng 18kara tương đương 72.000.000đ, 50.000.000đ tiền mặt, tổng cộng số tiền 122.000.000đ) là 61.000.000đ thì bà Phan Thị H không đồng ý, không thừa nhận có giữ số tài sản này.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Châu Văn L1 (chết nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Châu Văn L1 có các con gồm các ông bà: Châu Thị M1, Châu Thị K, Châu Văn T1, Châu Văn L, Châu Thị Bé S, Châu Văn Tr, Châu Thị Ng, Châu Văn Nh, Châu Văn M), yêu cầu ông Châu Văn M và bà Phan Thị H phải có trách nhiệm trả lại cho ông phần đất có diện tích đất 86m<sup>2</sup> (Ông Châu Văn M và bà Phan Thị H đã được Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 2613 ngày 18/11/2010) thì quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Phan Thị H không đồng ý theo yêu cầu của ông Châu Văn L1 vì phần đất có diện tích đất 86m<sup>2</sup> này ông Châu Văn L1 đã cho vợ chồng ông Châu Văn M và bà Phan Thị H nên đây là tài sản chung của vợ chồng ông Châu Văn M và bà Phan Thị H, bà Phan Thị H yêu cầu được chia hai mỗi người một nữa.

*Quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử bị đơn ông Châu Văn M trình bày và có ý kiến như sau:*

Thông nhất lời trình bày của bà Phan Thị H là giữa ông Châu Văn M và bà Phan Thị H có quan hệ vợ chồng, kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn và có 01 con chung tên Châu Văn Thân, sinh ngày 01/01/2014. Ông M và bà H đã ly hôn theo bản án số 93/HNGĐ-ST ngày 13/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang. Bản án trên đã có hiệu lực pháp luật và đã giải quyết mối quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung, còn quan hệ tài sản chung là giữa bà Phan Thị H và ông Châu Văn M tự thỏa thuận. Do bà Phan Thị H và ông Châu Văn M không thỏa thuận được về quan hệ tài sản chung nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung của bà H và ông M gồm: 01 căn nhà cấp 4 gắn liền đất diện tích 86,5m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 049970, sổ vào sổ cấp GCN CH02613 do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang cấp ngày 18/11/2010, do bà Phan Thị H, ông Châu Văn M đứng tên và hiện nay ông đang giữ bản chính; Vật dụng kiến trúc đầu tư quán cà phê; 01 chiếc xe Mio biển số 67H6-9471 và 01 chiếc xe Airblade biển số 67P1-032.85 đều do bà Phan Thị H đứng tên; 01 Tivi LG 32 inch full HD; 01 đầu đĩa, âm ly và 01 máy giặt hiệu Toshiba 7kg mã Tokyo Japan AW 8480Sv, mua năm 2011. Tài sản do ông M đang quản lý, sử dụng.

Ông Châu Văn M có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu được chia  $\frac{1}{2}$  số tiền đối với 03 lượng vàng 18kara tương đương 72.000.000đ và 50.000.000đ tiền mặt, tổng

cộng số tiền 122.000.000đ) là 61.000.000đ. Những tài sản này là tài sản chung của vợ chồng do bà Phan Thị H mang theo lúc bỏ đi vào ngày 19/03/2011.

Đối với yêu cầu của ông Châu Văn L1 yêu cầu ông Châu Văn M và bà Phan Thị H phải có trách nhiệm trả lại cho ông phần đất có diện tích đất 86m<sup>2</sup> (Ông Châu Văn M và bà Phan Thị H đã được Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 2613 ngày 18/11/2010) thì tại phiên hòa giải hôm nay ông Châu Văn M đồng ý trả lại cho ông Châu Văn L1 phần đất có diện tích đất 86m<sup>2</sup>, vì thời điểm đó ông Châu Văn M và bà Phan Thị H cần vốn để làm ăn mà không vay được tiền của Ngân hàng nên ông L1 mới làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Châu Văn M và bà Phan Thị H đứng tên quyền sử dụng đất để vay Ngân hàng nhưng với điều kiện là vợ chồng ông Châu Văn M và bà Phan Thị H không được bán hay cầm cố, chứ ông Châu Văn L1 không có cho vợ chồng ông. Đối với yêu cầu của bà H, yêu cầu chia đôi phần diện tích đất 86,5m<sup>2</sup> thì ông M không đồng ý vì phần đất này là của cha mẹ ông chỉ cho vợ chồng ông M và bà H đứng tên dùm.

Trước đây, ông có vay của ông Nguyễn Bá T với số tiền 30.000.000đ, hiện nay ông đã trả số tiền trên cho ông T xong. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02613 ngày 18/11/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang cấp cho ông M và bà H thì ông M đã thế chấp cho ông Châu Văn L, bà Võ Thị Thu Th để vay số tiền 280.000.000đ đến nay ông vẫn chưa trả cho ông L, bà Th. Đây là số nợ riêng của ông vay sau khi ly hôn, bà H không có liên quan, ông sẽ tự chịu trách nhiệm đối với số nợ này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Châu Văn M xác nhận hiện nay ông đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 049970, số vào sổ: CH02613, do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 18/11/2010 mang tên bà Phan Thị H và ông Châu Văn M.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang trình bày theo văn bản: 2281/UBND-NC ngày 21 tháng 08 năm 2014, thể hiện như sau: Ông Châu Văn M và bà Phan Thị H được Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02613 ngày 18/11/2010, diện tích đất 86,5m<sup>2</sup>, hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất gồm: Bản gốc trích đo địa chính (Tách thửa quyền sử dụng đất) do Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố LX lập ngày 14/10/2010. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 22/10/2010, được Văn phòng công chứng thành phố LX chứng thực với số công chứng 551, quyền số 02 TP/CC-HĐGD, giữa bên tặng cho là ông Châu Văn L1, bà Ngô Thị X với bên được tặng là ông Châu Văn M, bà Phan Thị H. Vị trí khu đất tặng cho tọa lạc tại thửa số 95, tờ bản đồ địa chính số 17, đường Nguyễn Hoàng, khóm Tây Khánh 3, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang với diện tích đất tặng cho là 86,5m<sup>2</sup> (đất ở tại đô thị).

Ngày 04/11/2010, ông Châu Văn L1 có đơn xin tách thửa đất, hợp thửa đất được Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố LX xác nhận với nội dung “đủ điều kiện”. Sau khi thực hiện hoàn chỉnh các thủ tục hành chính có liên quan đến công tác tặng cho quyền sử dụng đất cũng như hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, ngày 18/11/2010, ông Châu Văn M và bà Phan Thị H được Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02613. Vị trí khu đất tọa lạc tại thửa số 225, tờ bản đồ địa chính số 17, đường Nguyễn Hoàng, khóm Tây Khánh 3, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang với diện tích đất là 86,5m<sup>2</sup> (đất ở tại đô thị). Kích thước chu vi khu đất được xác lập theo Hồ sơ kỹ thuật khu đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố LX lập ngày 29/10/2010. Từ những hồ sơ thể hiện nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố LX nhận thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Châu Văn M và bà Phan Thị H là đảm bảo đúng với quy định pháp luật, được nêu cụ thể tại Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 21/04/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Ban hành Quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Bá T trình bày và có ý kiến như sau: Ông có cho ông Châu Văn M vay số tiền 30.000.000đ, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền ông M nợ ông trong vụ án này và xin được vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

3.3. Ông Châu Văn L trình bày và có ý kiến như sau: Ông Châu Văn M có vay của vợ chồng ông L, bà Võ Thị Thu Th số tiền 240.000.000đ, có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02613 ngày 18/11/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang cấp cho ông Châu Văn M và bà Phan Thị H. Việc ông M còn nợ số tiền 240.000.000đ thì ông L, bà Th không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Bà Võ Thị Thu Th trình bày và có ý kiến như sau: Thống nhất như lời trình bày và ý kiến của ông Châu Văn L.

- Ông Châu Văn T1 đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Thị X, sinh năm 1934 (chết ngày 24/06/2015) và ông Châu Văn L1, sinh năm 1930 (chết ngày 30/10/2016), có các con gồm các ông bà: Châu Thị M1, Châu Thị K, Châu Văn T1, Châu Văn L, Châu Thị Bé S (Sáu), Châu Văn Tr, Châu Thị Ng, Châu Văn Nh, Châu Văn M trình bày và có ý kiến như sau: Ông Châu Văn L1, bà Ngô Thị X là cha mẹ ruột của ông Châu Văn M và là cha mẹ chồng của bà Phan Thị H, hiện nay ông M và bà H đã ly hôn theo bản án số: 93/HNGĐ-ST ngày 13/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang. Trước năm 1975, ông Châu Văn L1 và bà Ngô Thị X có sở hữu trên 1.200m<sup>2</sup> đất tọa lạc khóm Tây Khánh 2, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang. Sau đó, có chuyển nhượng một số cho người khác và một số Nhà nước giải tỏa quy hoạch làm đường Nguyễn Hoàng, số còn lại ông Châu Văn L1 quản lý giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 004385, sổ vào sổ cấp GCN CH00338 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 28/4/2010; Hồ sơ kỹ thuật khu đất ngày 19/4/2010, thửa số 95, tờ bản đồ số 17, diện tích 393,5m<sup>2</sup>, đất ODT diện tích 387m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 6,5m<sup>2</sup> và chia cho các con tạm đứng tên để thuận tiện trong việc nộp thuế. Trong đó, bà Phan Thị H và ông Châu Văn M đứng tên với diện tích đất là 86,5m<sup>2</sup>. Sau đó, do ông M và bà H cần vốn bán cà phê, để làm thủ tục vay tiền Ngân hàng nên ông L1 và bà X mới làm thủ tục tặng cho phần diện tích đất 86,5m<sup>2</sup> và ông M, bà H được cấp giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng thực tế chỉ cho đứng tên tạm. Phần đất này vẫn thuộc quyền sở hữu của ông L1 nên ông Châu Văn L1 có yêu cầu độc lập là yêu cầu bà Phan Thị H và ông Châu Văn M trả lại đất.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68 /2018/DS-ST, ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố LX đã xử:***

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với ông Châu Văn M.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc rút lại yêu cầu Tòa án giải quyết đối với những tài sản như: 01 chiếc xe Mio biển số 67H6-9471 và 01 chiếc xe Airblade biển số 67P1-032.85 đều do bà Phan Thị H đứng tên; 01 Tivi LG 32 inch full HD; 01 đầu đĩa, âm ly (tất cả tài sản này đều do ông Châu Văn M đã bán với tổng số tiền 44.500.000đ), và 01 máy giặt hiệu Toshiba 7kg mã Tokyo Japan AW 8480Sv, mua năm 2011.

- Đình chỉ yêu cầu yêu cầu phản tố của ông Châu Văn M đối với bà Phan Thị H về việc yêu cầu được chia  $\frac{1}{2}$  số tiền (bà Phan Thị H có giữ 03 lượng vàng 18kara tương đương 72.000.000đ và 50.000.000đ tiền mặt, tổng cộng số tiền 122.000.000đ) là 61.000.000đ.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Châu Văn L1 có các con gồm các ông bà: Châu Thị M1, Châu Thị K, Châu Văn T1, Châu Văn L, Châu Thị Bé S, Châu Văn Tr, Châu Thị Ng, Châu Văn Nh, Châu Văn M về việc yêu cầu bà Phan Thị H và ông Châu Văn M trả lại cho ông L1 phần diện tích đất 86,5m<sup>2</sup>.

- Xác định tài sản chung của bà Phan Thị H và ông Châu Văn M nhà và đất có diện tích 86,5m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 049970, sổ vào sổ cấp GCN CH02613 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 18/11/2010 cho ông Châu Văn M và bà Phan Thị H, được giới hạn bởi các điểm 43, 46, 73, 72 theo bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Châu Văn M đối với bà Phan Thị H do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố LX (nay Văn phòng đăng ký đất chi nhánh thành phố LX) lập ngày 12/07/2012.

- Bà Phan Thị H được quyền sử dụng phần diện tích đất 43,3m<sup>2</sup> được giới hạn tại các điểm 43, 46, 12, 13 theo bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Châu Văn M đối với bà Phan Thị H do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố LX (nay Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố LX) lập ngày 12/07/2012.

- Bà Phan Thị H có trách nhiệm trả lại giá trị chênh lệch cho ông Châu Văn M số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Ông Châu Văn M được quyền sử dụng phần diện tích đất 43,2m<sup>2</sup> được giới hạn tại các điểm 12, 13, 72, 73 theo bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Châu Văn M đối với bà Phan Thị H do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố LX (nay Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố LX) lập ngày 12/07/2012.

- Giao cho ông Châu Văn M được toàn quyền sử dụng đối với các vật kiến trúc có trên khu đất tranh chấp được giới hạn bởi các điểm 1,16, 17, 8 và có trách nhiệm tháo dỡ, di dời đối với các vật kiến trúc có trên khu đất tranh chấp được giới hạn bởi các điểm 14,15, 16, 17 theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX lập ngày 23/10/2018.

Bà Phan Thị H và ông Châu Văn M có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hợp thức hóa đất theo quy định của pháp luật.

Bản án còn tuyên về chịu chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và thi hành án.

Ngày 17/01/2020, ông Châu Văn M kháng cáo: Yêu cầu xem lại bản án sơ thẩm, xin được nhận toàn bộ diện tích 86,5m<sup>2</sup> vì nguồn gốc đất của cha mẹ, đang nuôi con còn đi học.

Tại cấp phúc thẩm:

Tòa án ban hành Công văn: 988/TA-DS ngày 01/11/2019 và Công văn nhắc: 52/TA-DS ngày 04/02/2020 về việc yêu cầu UBND thành phố LX xác định diện tích đất tách thửa và có thu hồi đất nhằm nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn H hay không? Nhưng Ủy ban nhân dân thành phố LX không hồi đáp.

Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Châu Văn T1 đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông L1, bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập.

Bị đơn có đơn yêu cầu được giữ đất chung để tiếp tục kinh doanh mua bán nước giải khát, lo con ăn học.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn trình bày:



Ông L1, bà X tự nguyện tặng cho diện tích đất 86,5m<sup>2</sup> và ông M, bà H được UBND Tp. LX cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: BD 049970, sổ vào sổ cấp GCN CH02613 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 18/11/2010 là đúng pháp luật;

Diện tích đất được cấp sơ thẩm chia cho chị H diện tích 43,3 m<sup>2</sup> là đủ điều kiện tối thiểu để tách thửa. Chị H hiện không có đất, không có chỗ ở khác nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H để ổn định cuộc sống. Bên kháng cáo không cung cấp chứng cứ mới nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng vụ án: Việc tuân theo pháp luật, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng đề xuất giải quyết vụ án:

Về thủ tục kháng cáo: ông M kháng cáo đúng hạn luật định và có nộp tạm ứng kháng cáo nên được coi là kháng cáo đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

Các đương sự rút một phần yêu cầu khởi kiện và được Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là đúng quy định pháp luật;

Diện tích đất 86,5m<sup>2</sup> được ông L1, bà X tặng cho vợ chồng ông Châu Văn M và bà Phan Thị H, ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: số BD 049970, sổ vào sổ cấp GCN CH02613 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 18/11/2010, đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên Tòa Án cấp sơ thẩm chia cho chị H ½ diện tích đất: 43,3m<sup>2</sup> theo các điểm: 43, 46, 12, 13 theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX lập ngày 23/10/2018 là có căn cứ pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của ông Châu Văn M yêu cầu được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất trên là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu độc lập của ông L1, bà X (nay là các con ông bà kế thừa) đòi lại diện tích đất này nhưng không có chứng cứ chứng minh việc tặng cho có điều kiện, thủ tục tặng cho phù hợp với quy định pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp chứng cứ mới nên không có căn cứ để chấp nhận.

Ông Châu Văn Lập đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: số BD 049970, sổ vào sổ cấp GCN CH02613 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 18/11/2010, sự kiện xảy ra sau khi xét xử sơ thẩm, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Đề nghị HĐXX PT không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Châu Văn M và của ông Châu Văn T1, căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông M trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo theo quy định pháp luật. Các đương sự khác không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Về loại việc: Bà Phan Thị H yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn thuộc loại việc hôn nhân gia đình nhưng cấp sơ thẩm thụ lý án dân sự là chưa phù hợp theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, cần nêu để cấp sơ thẩm xác định loại việc theo quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông Châu Văn M, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Ông Châu Văn M và bà Phan Thị H được UBND thành phố LX cấp giấy CNQSDĐ CH02613 ngày 18/11/2010 đối với diện tích đất: 86,5m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại thửa số 95, tờ bản đồ địa chính số 17, đường Nguyễn Hoàng, khóm Tây Khánh 3, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang. Diện tích 86,5m<sup>2</sup> vợ chồng ông M, bà H có được là của cha mẹ ông M tặng cho vợ chồng thông qua Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 22/10/2010, được Văn phòng công chứng thành phố LX chứng thực với số công chứng 551, quyền số 02 TP/CC-HĐGD nên Cấp sơ thẩm chấp nhận chia mỗi người ½ diện tích đất trên là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện vụ án. Bởi những căn cứ sau:

[3.1] Hiện ông Châu Văn M đang quản lý sử dụng diện tích đất: 86,5m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là quán nước giải khát, đây cũng là nguồn thu nhập để nuôi dưỡng con chung là cháu Châu Văn Thân (sinh năm 2004) nguồn thu này tạo điều kiện chu cấp cho cháu Thân được học hành đến thành niên hoặc tự lập được nên cần xem xét việc sử dụng đã ổn định và là nơi ở, sinh kế của cha con ông M;

[3.2] Ông M, bà H đã ly hôn theo Bản án số: 93/2014/HNGĐ-ST ngày 13/9/2014, thì ông M là người trực tiếp nuôi con chung, bà H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con;

[3.3] Bà Phan Thị H đã có chồng và đăng ký hộ khẩu số: 3532 với chồng sau tại nơi cư trú: 232/2B, khóm Đông An 3, phường MX, thành phố LX, An Giang (bút lục: 309, 310) được coi là đã có nơi ở;

[3.4] Khi chia vẫn đảm bảo lợi ích chính đáng của mỗi bên trong việc sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập.

Từ những lý do trên, ông Châu Văn M yêu cầu được nhận diện tích đất: 86,5m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận QSDĐ đất số: GCN CH02613 được UBND thành phố LX cấp ngày 18/11/2010 là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận, ông M được đứng tên quyền sử dụng đất nêu trên nên ông có nghĩa vụ hoàn giá trị cho bà H.

Về nguồn gốc hình thành tài sản là do cha mẹ ruột ông M tặng cho vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, công sức đóng góp của bà H đối với tài sản này là không có. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chia tài sản chung theo tỷ lệ đóng góp là 6/4, theo đó ông M được 6 phần, bà H được 4 phần giá trị tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không yêu cầu định giá lại tài sản, thống nhất kết quả định giá đất ngày 29/3/2018 (bút lục 646):  $6.000.000\text{đ}/\text{m}^2$ , tổng giá trị tài sản:  $86,5\text{m}^2 \times 6.000.000\text{đ} = 519.000.000\text{đ}$ . Ông M được nhận: 6 phần, tương đương số tiền: 311.400.000đ, bà H được chia 4 phần: tương đương số tiền: 207.600.000đ.

Do bà H tự nguyện giao vật kiến trúc trên đất cho ông M sử dụng nên M được sở hữu và tiếp tục sử dụng tài sản trên đất gắn với quyền sử dụng đất; ông M phải có trách nhiệm hoàn giá trị quyền sử dụng cho bà H số tiền: 207.600.000đ, ông Châu Văn M được đứng tên quyền sử dụng đất có diện tích:  $86,5\text{m}^2$  theo sổ sơ ri BD 049970, Giấy chứng nhận QSDĐ đất số: GCN CH02613 được UBND thành phố LX cấp ngày 18/11/2010 cho ông Châu Văn M, bà Phan Thị H. Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh pháp lý về người sử dụng đất theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử không chấp nhận luận cứ của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cũng như đề xuất của Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên về chia  $\frac{1}{2}$  tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích:  $86,5\text{m}^2$  như bản án sơ thẩm đã xử.

[4] Xét, kháng cáo của ông Châu Văn T1 yêu cầu ông M, bà H trả đất. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu buộc ông M, bà H trả đất là có căn cứ. Vì ông M, bà H có quyền của người sử dụng đất khi đã được UBND thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/11/2010. Ông L1, bà X và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông, bà không chứng minh được việc tặng cho này có điều kiện được quyền đòi lại tài sản hoặc việc tặng cho bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép,... dẫn đến hợp đồng tặng cho bị vô hiệu theo quy định tại Điều 127 Bộ luật dân sự 2005. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 không cung cấp chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không cơ sở xem xét để chấp nhận kháng cáo của ông.

[5] Về số tiền 600.000.000đ, ông T1 trình bày: Ông L1, bà X có đưa cho vợ chồng ông M, bà H nhưng không có đơn yêu cầu nên cấp sơ thẩm không thụ lý, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông M, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố LX.

[6] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn cáo kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về chi phí tố tụng:

[7.1] Tại cấp sơ thẩm: Các đương sự không kháng cáo, nên chi phí tố tụng được giữ nguyên như bản án sơ thẩm xác định nghĩa vụ các đương sự phải chịu.

[7.2] Tại cấp phúc thẩm: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông M tự nguyện chịu 400.000đ, đã thực hiện xong.

[8] Án phí sơ thẩm:

[8.1] Bà H được chia có giá trị: 207.600.000đ nên phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch: 10.380.000đ;

[8.2] Ông M chia có giá trị: 311.400.000đ nên phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch: 15.570.000đ.

[9] Về án phí phúc thẩm:

[9.1] Kháng cáo của ông M được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng kháng cáo phúc thẩm cho ông M;

[9.2] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Châu Văn T1 phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Châu Văn M.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Châu Văn T1.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 68/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố LX.

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 138, Điều 147; Điều 148, Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 122, Điều 127 Bộ luật dân sự 2005

- Căn cứ khoản 13 Điều 3 và các Điều 33, Điều 34, Điều 39 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 95 Luật Đất đai 1993

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với ông Châu Văn M.

- Xác định tài sản chung của bà Phan Thị H và ông Châu Văn M nhà và đất có diện tích 86,5m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất số BD 049970, sổ vào sổ cấp GCN CH02613 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 18/11/2010.

- Ông Châu Văn M được đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 86,5m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số sơ ri BD 049970, sổ vào sổ cấp GCN CH02613 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp ngày 18/11/2010 cho ông Châu Văn M, bà Phan Thị H;

Ông M phải hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho bà H bằng tiền: 207.400.000đ (Hai trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm ngàn đồng);

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh pháp lý về người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

\*Về chi phí tố tụng khác:

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản tổng cộng là 1.700.000đ. Bà Phan Thị H tự nguyện chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 1.700.000đ do bà Phan Thị H đã nộp phiếu thu ngày 16/01/2012 và ngày 22/01/2018 (đã thực hiện xong).

- Chi phí xem xét thẩm định tại cấp phúc thẩm: 400.000đ, ông Châu Văn M tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Phan Thị H phải chịu án phí 10.370.000đ, khấu trừ 3.600.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 008504 ngày 21 tháng 02 năm 2012; bà H còn phải nộp 6.770.000đ (Sáu triệu, bảy trăm bảy chục ngàn đồng) tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh An Giang

+ Ông Châu Văn M phải chịu án phí 15.570.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 1.525.000đ theo biên lai thu số 03856 ngày 24/12/2013; ông M còn phải nộp: 14.045.000đ ( Mười bốn triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Châu Văn L1 và bà Ngô Thị X có các con gồm các ông bà: Châu Thị M1, Châu Thị K, Châu Văn T1, Châu Văn L, Châu Thị Bé S, Châu Văn Tr, Châu Thị Ng, Châu Văn Nh, Châu Văn M phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000đ theo biên lai thu số 009698 ngày 20/6/2013 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Về án phí phúc thẩm:

+ Ông Châu Văn M không phải chịu án phí phúc phẩm, hoàn trả 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí kháng cáo số: 0002701 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

+ Ông Châu Văn T1 phải chịu 300.000đ án phí phúc phẩm, khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng kháng cáo phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí kháng cáo số: 0002702 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn cáo kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND TP. LX;
- THA TP. LX;;
- Toà Dân sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV&THA;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Chí Keo**